

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **32/2022/HNGĐ - ST**
Ngày: 08- 4 -2022
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Đào

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đức Hòa
2. Bà Lê Thị Thận

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Quốc Hải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Trong ngày 08 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 335/2021/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 9 năm 2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2022/QĐXX - ST ngày 01 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Triệu Thị Y, sinh năm 1994

Địa chỉ: Thôn 4, xã A, huyện B, tỉnh Bình Phước.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1993

Địa chỉ: Thôn 4, xã A, huyện B, tỉnh Bình Phước.

(Nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt; có đơn xin giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, chị Triệu Thị Y trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Y và anh Nguyễn Văn C tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau từ năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Bình Phước. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng tới giữa năm 2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, cuộc sống hôn nhân không có tiếng nói chung. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục chung sống nên Chị Y yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh C để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị Y và anh C có 03 người con chung là cháu Nguyễn Hạo Nh, sinh ngày 17/11/2014; cháu Nguyễn Ngọc Bình N, sinh ngày 04/12/2020; cháu Nguyễn Ngọc Bảo N2, sinh ngày 04/12/2020. Nay ly hôn Chị Y có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Nh, cháu Bảo N2, cháu Bình N cho đến khi các cháu thành niên. Yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng/cháu cho đến khi các cháu thành niên.

Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình Tòa án thụ lý vụ án, nguyên đơn Chị Y cung cấp các tài liệu, chứng cứ gồm: Bản gốc Giấy chứng nhận kết hôn số 90/2014 ngày 15/9/2014 của Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Bình Phước; bản sao chứng minh nhân dân, bản sao sổ hộ khẩu gia đình của Chị Y, anh C; bản phô tô chứng thực giấy khai sinh của cháu Nh, cháu Bình N, cháu Bảo N2. Ngoài ra, Chị Y không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì.

Bị đơn anh Nguyễn Văn C trình bày: Anh C và chị Triệu Thị Y tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau từ năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Bình Phước. Tuy Nh, quá trình chung sống thì vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau nên Chị Y yêu cầu ly hôn thì anh C đồng ý.

Về con chung: Anh C và Chị Y có 03 người con chung là cháu Nguyễn Hạo Nh, sinh ngày 17/11/2014; cháu Nguyễn Ngọc Bình N, sinh ngày 04/12/2020; cháu Nguyễn Ngọc Bảo N2, sinh ngày 04/12/2020. Nay ly hôn anh C đồng ý giao cháu Nh, cháu Bảo N2, cháu Bình N cho Chị Y trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi các cháu thành niên. Anh C đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung theo yêu cầu của Chị Y cho đến khi cháu Nh, cháu Bảo N2, cháu Bình N thành niên.

Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin giải quyết vắng mặt và vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Phân thủ tục tố tụng:

Theo đơn khởi kiện của chị Triệu Thị Y yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Văn C. Bị đơn có nơi cư trú tại xã A, huyện B, tỉnh Bình Phước. Hội đồng xét xử thấy tranh chấp giữa Nguyên đơn và Bị đơn thuộc lĩnh vực hôn nhân gia đình. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng.

Đây là vụ án Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ nên căn cứ vào khoản 2 Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án giải quyết vụ án không có sự tham gia phiên tòa của Kiểm sát viên.

Đối với việc giải quyết vắng mặt của các bên đương sự. Hội đồng xét xử thấy rằng quá trình thụ lý giải quyết vụ án, chị Triệu Thị Y và anh Nguyễn Văn C đã có đơn xin giải quyết vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Y và anh C tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn vào năm 2014 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Bình Phước. Điều này phù hợp với bản gốc Giấy chứng nhận kết hôn số 90/2014 ngày 15/9/2014 của Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Bình Phước đã được Chị Y cung cấp cho Tòa án. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa Chị Y và anh C là hợp pháp.

[3] Về mâu thuẫn gia đình: Chị Y và anh C đều thống nhất quá trình chung sống vợ chồng có nhiều bất đồng về quan điểm sống, không hợp nhau. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa Chị Y và anh C là trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, hơn nữa anh C cũng đồng ý ly hôn với Chị Y. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận nguyện vọng muốn ly hôn của Chị Y.

[4] Về con chung: Chị Y và anh C có 03 người con chung là cháu Nguyễn Hạo Nh, sinh ngày 17/11/2014; cháu Nguyễn Ngọc Bình N, sinh ngày 04/12/2020; cháu Nguyễn Ngọc Bảo N2, sinh ngày 04/12/2020. Quá trình giải quyết vụ án Chị Y và anh C thống nhất giao cháu Nh, cháu Bảo N2, cháu Bình N cho Chị Y trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu thành niên. Do đó, cần ghi nhận sự thỏa thuận này của Chị Y và anh C.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Y yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi cháu Nh, cháu Bảo N2, cháu Bình N với mức cấp dưỡng 1.500.000 đồng/01tháng/01 cháu cho đến khi cháu Nh, cháu Bảo N2, cháu Bình N đủ 18 tuổi theo phương thức cấp dưỡng hàng tháng. Anh C đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu Nh, cháu Bảo N2, cháu Bình N theo yêu cầu của Chị Y nên cần ghi nhận sự tự nguyện của anh C.

[6] Về tài sản chung: Chị Y và anh C tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[7] Về nợ chung: Chị Y và anh C tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự buộc nguyên đơn chị Triệu Thị Y phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo luật định; án phí cấp dưỡng nuôi con là 150.000 đồng bị đơn anh Nguyễn Văn C phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Triệu Thị Y về việc ly hôn. Chị Y được ly hôn với anh Nguyễn Văn C.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hạo Nh, sinh ngày 17/11/2014; cháu Nguyễn Ngọc Bình N, sinh ngày 04/12/2020; cháu Nguyễn Ngọc Bảo N2, sinh ngày 04/12/2020 cho chị Triệu Thị Y trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu Nh, cháu Bảo N2, cháu Bình N đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom, cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Nguyễn Văn C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Hạo Nh, sinh ngày 17/11/2014; cháu Nguyễn Ngọc Bình N, sinh ngày 04/12/2020; cháu Nguyễn Ngọc Bảo N2, sinh ngày 04/12/2020 với mức cấp dưỡng mỗi tháng là 1.500.000 đồng/cháu cho đến khi cháu Nh, cháu Bảo N2, cháu Bình N đủ 18 tuổi. Phương thức cấp dưỡng hàng tháng, tính từ ngày xét xử sơ thẩm (Ngày 08/4/2022).

4. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Y và anh C tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

5. Về án phí:

Nguyên đơn chị Triệu Thị Y phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp theo biên lai thu tiền số 016449 ngày 27/9/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Bị đơn anh Nguyễn Văn C phải chịu 150.000 đồng án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng.

6. Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Đăng;
- Chi cục THADS huyện Bù Đăng;
- Các đương sự;
- UBND xã , thị trấn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Đào

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 08 tháng 4 năm 2022

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Đào

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đức Hòa và bà Lê Thị Thận.

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 335/2021/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 9 năm 2021 về việc “Ly hôn” giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Triệu Thị Y, sinh năm 1994

Địa chỉ: Thôn 4, xã A, huyện B, tỉnh Bình Phước.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1993

Địa chỉ: Thôn 4, xã A, huyện B, tỉnh Bình Phước.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

Về điều luật áp dụng:

- Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

Kết quả biểu quyết: 03/03

Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Triệu Thị Y về việc ly hôn. Chị Y được ly hôn với anh Nguyễn Văn C.

Kết quả biểu quyết: 03/03

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hạo Nh, sinh ngày 17/11/2014; cháu Nguyễn Ngọc Bình N, sinh ngày 04/12/2020; cháu Nguyễn Ngọc Bảo N2, sinh ngày 04/12/2020 cho chị Triệu Thị Y trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu Nh, cháu Bảo N2, cháu Bình N đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom, cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

Kết quả biểu quyết 03/03

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Nguyễn Văn C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Hạo Nh, sinh ngày 17/11/2014; cháu Nguyễn Ngọc Bình N, sinh ngày 04/12/2020; cháu Nguyễn Ngọc Bảo N2, sinh ngày 04/12/2020 với mức cấp dưỡng mỗi tháng là 1.500.000 đồng/cháu cho đến khi cháu Nh, cháu Bảo N2, cháu Bình N đủ 18 tuổi. Phương thức cấp dưỡng hàng tháng, tính từ ngày xét xử sơ thẩm (Ngày 08/4/2022).

Kết quả biểu quyết 03/03

4. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Y và anh C tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Kết quả biểu quyết 03/03

5. Về án phí và các vấn đề khác:

Nguyên đơn chị Triệu Thị Y phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp theo biên lai thu tiền số 016449 ngày 27/9/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Bị đơn anh Nguyễn Văn C phải chịu 150.000 đồng án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng.

Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Kết quả biểu quyết 03/03

Nghị án kết thúc vào hồi giờ phút cùng ngày

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Đức Hòa Lê Thị Thận

Trương Thị Đào